BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1208/QĐ-TĐHTPHCM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành hướng dẫn đổi mới phương pháp đánh giá theo định hướng phát triển năng lực người học, thiết kế rubric và phổ điểm đánh giá học phần

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 32/2013/QH13, Luật số 74/2014/QH13 và Luật số 97/2015/QH13) và Luật số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐTTPHCM ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 504/QĐ-TĐHTPHCM ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy, phương thức đào tạo theo tín chỉ;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "**Hướng dẫn đổi mới phương pháp đánh giá theo định hướng phát triển năng lực người học, thiết kế rubric và phổ điểm đánh giá học phần**".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng các Phòng, Khoa, Trung tâm và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, KT&ĐBCL.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lê Hoàng Nghiêm

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TP. HỒ CHÍ MINH

HƯỚNG DẪN

ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC, THIẾT KẾ RUBRIC VÀ PHỔ ĐIỂM ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

(Kèm theo Quyết định số 1208/QĐ-TĐHTPHCM ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh)

TP. Hồ Chí Minh, tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

I. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ 3
1.1 Các phương pháp đánh giá 3
1.2. Tiêu chí khi đánh giá kết quả học tập theo CĐR 5
1.3. Quan hệ giữa phương pháp đánh giá với CĐR học phần (CELO) 6
1.4. Triển khai đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra 7
II. SỬ DỤNG CÔNG CỤ, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ (RUBRICS) 7
2.1. Rubric là gì? 7
2.2. Tại sao sử dụng rubric? 8
2.3. Rubrics đánh giá được xây dựng, phụ hợp và tương ứng với các phương pháp đánh giá trong chương trình đào tạo 8
2.3.1. Đánh giá chuyên cần 8
2.3.2. Đánh giá bài tập 10
2.3.3. Đánh giá thuyết trình 11
2.3.4. Đánh giá kiểm tra viết 13
2.3.5. Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm 13
2.3.6. Đánh giá bảo vệ đồ án và thi vấn đáp 13
2.3.7. Đánh giá báo cáo 14
2.3.8. Đánh giá làm việc nhóm 15
2.4. Một số rubrics khác 16
2.4.1. Rubric đánh giá tiểu luận cá nhân 16
2.4.2. Rubric đánh giá buổi thực hành cá nhân tại phòng thí nghiệm 17
2.4.3. Rubric đánh giá kỹ năng thực hành 18
2.4.4. Rubric đánh giá thực tập tại doanh nghiệp 18
2.4.5. Rubric đánh giá báo cáo thực tập tại doanh nghiệp 19
2.4.6. Rubric đánh giá khóa luận/luận văn tốt nghiệp (của thành viên hội đồng) .. 20
2.4.7. Rubric đánh giá khóa luận/luận văn tốt nghiệp (của người hướng dẫn/ủy viên phản biện) 20
2.5. Ma trận phương pháp đánh giá các học phần 22
III. PHỔ ĐIỂM ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN 23
3.1. Phân tích đề thi 23
3.1.1. Đề thi quá dễ so với khả năng của người học 23
3.1.2. Đề thi quá khó so với khả năng của người học 23

3.1.3. Đề thi "chuẩn" so với khả năng của người học 24
3.2. Phổ điểm đánh giá học phần 25
TÀI LIỆU THAM KHẢO 31

HƯỚNG DẪN
ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC, THIẾT KẾ RUBRIC VÀ PHỔ ĐIỂM ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

I. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

Đánh giá kết quả học tập của người học là quá trình ghi chép, lưu giữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của người học trong suốt quá trình dạy học. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan và phân hóa, thường xuyên, liên tục và định kỳ. Yêu cầu và tiêu chí đánh giá cụ thể được Nhà trường thiết kế và công bố, làm rõ cho người học trước khi học.

Các thông tin về đánh giá được cung cấp và chia sẻ kịp thời cho các bên liên quan gồm người dạy, người học, phụ huynh và nhà quản lý. Từ đó, kịp thời có những điều chỉnh về các hoạt động dạy học, đảm bảo định hướng và đạt được mục tiêu dạy học.

Nhà trường đã xây dựng và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Tùy thuộc vào phương pháp dạy học và yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra của từng học phần, người dạy lựa chọn các phương pháp đánh giá phù hợp, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin để đánh giá mức độ tiến bộ của người học cũng như mức độ hiệu quả đạt được của tiến trình dạy học.

1.1 Các phương pháp đánh giá

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo của Nhà trường được chia thành 3 loại chính là: Đánh giá ban đầu, đánh giá theo quá trình và đánh giá tổng kết/định kỳ.

STT	Phương pháp đánh giá	
1	**Đánh giá ban đầu/ đánh giá đầu vào**	Được tiến hành trước khi dạy một học phần/bài học/chủ đề học tập/nhiệm vụ học tập nào đó giúp giảng viên nắm được tình hình người học lĩnh hội những kiến thức liên quan, những điểm người học nắm vững, những lỗ hổng cần bổ khuyết để quyết định cách dạy cho thích hợp *(Thường được sử dụng trong phân lớp ngoại ngữ)*
2	**Đánh giá quá trình**	Mục đích của đánh giá quá trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học. Các phương pháp đánh giá cụ thể với loại đánh giá quá trình được áp dụng gồm: đánh giá chuyên cần, đánh giá bài tập, và đánh giá thuyết trình,...

2.1	Đánh giá chuyên cần	Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của người học cũng như những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với khóa học. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo Rubric 1 hoặc 2 tùy thuộc vào học phần lý thuyết hay đồ án.
2.2	Đánh giá bài tập	Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm và được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể trong Rubric 3.
2.3	Đánh giá thuyết trình	Trong một số học phần thuộc chương trình đào tạo, người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này không những giúp người học đạt được những kiến thức chuyên ngành mà còn giúp người học phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm. Để đánh giá mức độ đạt được các kỹ năng này của người học có thể sử dụng các tiêu chí đánh giá cụ thể như Rubric 4.
3	**Đánh giá tổng kết/định kỳ**	Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy học gồm đánh giá cuối chương trình học, đánh giá giữa học kỳ và đánh giá cuối học kỳ. Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong loại đánh giá này gồm có: Kiểm tra viết, Kiểm tra trắc nghiệm, Thi vấn đáp, Báo cáo, Thuyết trình, đánh giá làm việc nhóm và Đánh giá đồng cấp,...
3.1	Kiểm tra viết	Theo phương pháp đánh giá này, người học được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp đánh giá này là thang 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.

3.2	Kiểm tra trắc nghiệm	Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, người học được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này người học trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.
3.3	Thi vấn đáp	Trong phương pháp đánh giá này, người học được được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp. Các tiêu chí đánh giá cụ thể cho phương pháp đánh giá này được thể hiện trong Rubric 5.
3.4	Báo Cáo	Người học được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của người học, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ/ hình ảnh trong báo cáo. Tiêu chí đánh giá cụ thể theo phương pháp này theo Rubric 6.
3.5	Đánh giá thuyết trình	Phương pháp đánh giá này hoàn toàn giống với phương pháp đánh giá thuyết trình trong loại đánh giá tiến trình theo Rubric 4. Đánh giá được thực hiện theo định kỳ (giữa kỳ, cuối kỳ, hay cuối khóa).
3.6	Đánh giá làm việc nhóm	Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của người học. Tiêu chí đánh giá cụ thể theo Rubric 7.
3.7	Khác	……..

1.2. Tiêu chí khi đánh giá kết quả học tập theo CĐR

Chỉ tiêu	Nội dung
Xác định	Xác định rõ CĐR của học phần cần đánh giá, xây dựng công cụ và nội dung đánh giá phù hợp trên cơ sở đánh giá trình độ năng lực người học.
Ghi chú/ Lưu ý	Chú ý đến cơ hội để người học có khả năng thể hiện sự tiến bộ. Kết quả đánh giá phải đảm bảo tính giá trị và độ tin cậy, phản ánh được mức độ kỳ vọng về CĐR cần đạt được và mức độ năng lực thực tế của người học.
Tập trung	Tập trung vào đánh giá các kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm mà CĐR yêu cầu. Quyết định đánh giá phải được dựa trên các bằng chứng là kết quả học tập của người học qua các bài kiểm tra, hoạt

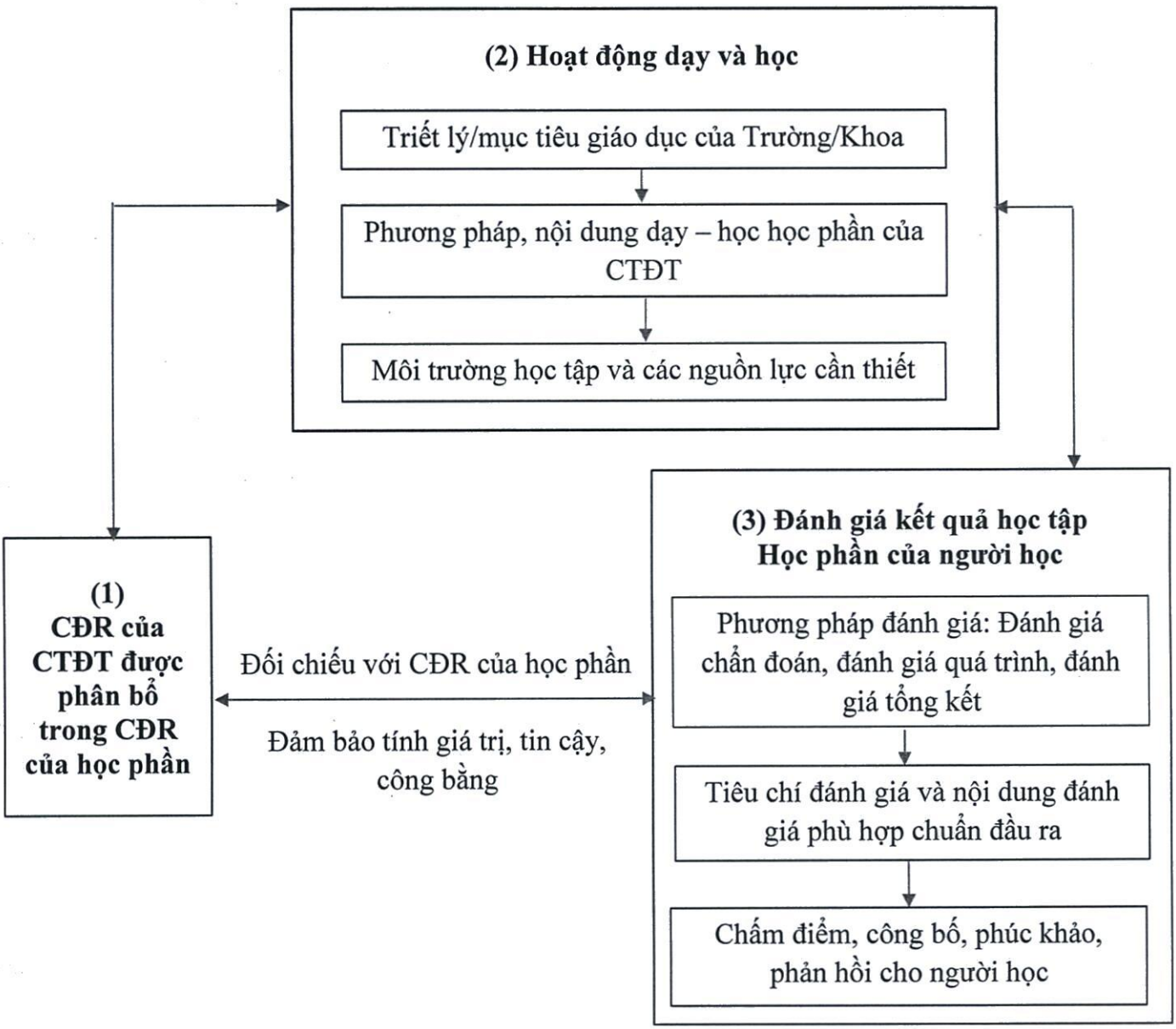
	động, tình huống hoặc các nhiệm vụ học tập được giao.
Cung cấp	Phục vụ cho người học có cơ hội nhận ra và đánh giá sự tiến bộ đạt được.
Ghi nhận	Ghi nhận những điểm quan trọng, đáng chú ý trong quá trình đánh giá và đánh giá có tính kế thừa liên tục.
Cải tiến	Làm căn cứ để đổi mới phương pháp dạy học. Kết quả đánh giá sẽ phản hồi cho giảng viên và người học về quá trình dạy học, là cơ sở đề xuất những quyết định thích hợp để cải thiện thực trạng, nâng cao chất lượng chương trình và hiệu quả đào tạo.

1.3. Quan hệ giữa phương pháp đánh giá với CĐR học phần (CELO)

STT	Phương pháp đánh giá	Kiến thức			Kỹ năng			Tự chủ, tự chịu trách nhiệm		
		CELO								
		1	2	3	4	5	…	…	…	…
1	Đánh giá chuyên cần									
2	Đánh giá bài tập									
3	Đánh giá thuyết trình									
4	Kiểm tra viết									
5	Kiểm tra trắc nghiệm									
6	Thi vấn đáp									
7	Báo cáo									
8	Đánh giá làm việc nhóm									
9	Khác									

(Đánh dấu X vào 1 hoặc 1 vài ô phù hợp với CĐR học phần)

1.4. Triển khai đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra



II. SỬ DỤNG CÔNG CỤ, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ (RUBRICS)

2.1. Rubric là gì?

Rubric là một cách đánh giá, công cụ đánh giá được sử dụng khá rộng rãi trong thực tiễn giáo dục và dạy học hiện nay trên thế giới (Rubrica theo tiếng Latin có nghĩa là "vùng đất đỏ", "phần viết bằng mực đỏ trong các cuốn Kinh thánh, sách cổ"; tập tục hoặc quy tắc được thiết lập để thực hiện/an established custom or rule of procedure).

Rubric là bảng mô tả chi tiết có tính hệ thống (theo chuẩn, tiêu chí và mức) những kết quả (kiến thức, kỹ năng, thái độ) mà người học nên làm và cần phải làm để đạt được mục tiêu cuối cùng khi thực hiện một nhiệm vụ cụ thể.

Các Rubric dùng trong dạy học được thiết kế cho các mục đích đánh giá khác nhau, song đều dựa trên cùng một nguyên tắc chung: so sánh, đối chiếu và kiểm chứng

kết quả đạt được với các chuẩn và tiêu chí đã được thống nhất xây dựng trước khi thực hiện hoạt động.

Có thể coi mỗi Rubric là một ma trận 2 chiều giúp xác định (đo) giá trị kết quả mà người học đạt được tại một "tọa độ" bất kỳ của kiến thức, kỹ năng hoặc thái độ.

"Toạ độ giá trị" bất kỳ này của người học được xác định và mô tả chi tiết theo chuẩn, tiêu chí (chỉ số) và mức chất lượng.

2.2. Tại sao sử dụng rubric?

Giúp công khai công cụ đánh giá của giảng viên, với các tiêu chí cụ thể để phân biệt các mức độ thành tích trong học tập.

Giúp người học biết được những kỳ vọng của giảng viên về học tập; nhận ra các điểm mạnh, yếu trong quá trình học tập, từ đó xây dựng cách thức và kế hoạch cải tiến.

Giúp tăng cường sự hiểu biết và tin tưởng lẫn nhau giữa giảng viên và người học. Thông qua rubric, đánh giá không còn là một hoạt động mang tính bí mật.

Là một hình thức đánh giá hỗ trợ học tập (Assessment for learning).

Sử dụng rubric trong đánh giá học tập là một biểu hiện của tiếp cận dạy học lấy người học làm trung tâm.

Với các tiêu chí đánh giá được mô tả cụ thể, giảng viên có thể giảm hẳn việc cung cấp thông tin phản hồi về học tập cho mỗi người học.

Là công cụ cần được sử dụng trong đánh giá học tập, theo yêu cầu của Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Trên cơ sở các phương pháp đánh giá, Nhà trường đã xây dựng các công cụ, tiêu chí cụ thể để thực hiện việc đánh giá người học theo các Rubrics. Tùy theo yêu cầu, mục tiêu và đặc trưng của từng môn học để lựa chọn phương pháp đánh giá cũng như Rubrics đánh giá thích hợp. Cùng một phương pháp đánh giá có thể áp dụng Rubric đánh giá khác nhau cho các học phần khác nhau.

2.3. Rubrics đánh giá được xây dựng, phụ hợp và tương ứng với các phương pháp đánh giá trong chương trình đào tạo

2.3.1. Đánh giá chuyên cần

Rubric 1: Chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Rất tốt 8.5 – 10	Tốt 7.0-8.4	Đạt yêu cầu 5.0 – 6.9	Không đạt 0.0-4.9
Mức độ tham dự theo TKB	50	Tham dự >90% buổi học	Tham dự 80-90% buổi học	Tham dự 70-80% buổi học	Tham dự <70% buổi học
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Phát	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp.

			Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	biểu ít khi có hiệu quả.	

Rubric 2: Tham gia buổi hướng dẫn đồ án của giảng viên

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Rất tốt 8.5 – 10	Tốt 7.0-8.4	Đạt yêu cầu 5.0 – 6.9	Không đạt 0.0-4.9
Tổ chức nhóm	**20**	Nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm rất rõ ràng và phù hợp với khả năng của họ, phát huy điểm mạnh của các thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm rất tốt.	Nhiệm vụ của mỗi thành viên trong nhóm rõ ràng và phù hợp với khả năng của họ. Sự phối hợp làm việc của nhóm tốt.	Mỗi thành viên có nhiệm vụ riêng nhưng chưa rõ ràng và chưa phù hợp với khả năng của thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm chưa tốt.	Trách nhiệm và nhiệm vụ của mỗi thành viên trong nhóm không rõ ràng, không phù hợp với khả năng của họ. Không có sự phối hợp làm việc giữa các thành viên trong nhóm.
Chuyên cần	**10**	100%	<90%	<70%	<50%
Thảo luận	**20**	Luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hiệu quả cho các hoạt động của nhóm và giữa các nhóm.	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến cho thảo luận giữa các nhóm.	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Hiếm khi tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.
Nội dung theo tiến độ quy định	**20**	Nội dung tính toán đầy đủ về khối lượng theo tiến độ quy định (100%). Trình tự các bước tính toán hợp lý, kết quả tính toán đúng, sử dụng phần mềm tính toán hợp lý.	Nội dung tính toán đầy đủ về khối lượng theo tiến độ quy định (100%). Kết qủa tính toán đúng, có sử dụng phần mềm tính toán nhưng chưa hợp lý.	Nội dung tính toán đầy đủ về khối lượng theo tiến độ quy định (100%). Kết quả tính toán còn một số sai sót, nhầm lẫn.	Nội dung tính toán không đầy đủ (<50%), kết quả tính toán sai, trình tự các bước tính toán không hợp lý.
Trình bày thuyết trình	**20**	Nội dung phù hợp, cấu trúc thuyết minh rất chi tiết, rõ ràng, logic. Hình vẽ, bảng biểu, chú thích trình bày khoa học.	Nội dung phù hợp. Cấu trúc, bố cục thuyết minh rõ ràng, logic. Ghi chú, giải thích, hình vẽ, bảng biểu khá đầy đủ, khá khoa học.	Nội dung trình bày trong thuyết minh phù hợp. Thuyết minh còn một số lỗi chính tả, một số nhầm lẫn.	Trình bày thuyết minh lộn xộn, không đúng trình tự, hình vẽ, bảng biểu và ký hiệu sử dụng trong thuyết minh không phù hợp.

2.3.2. Đánh giá bài tập

Rubric 3: Bài tập

Tiêu chí đánh giá	CĐR	Trọng số (%)	Mô tả mức chất lượng				ĐIỂM
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			8.5-10	7.0-8.4	5.0-6.9	0.0-4.9	
Trình bày bài tập		**30**	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), logic Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú, kích thước).	Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp.	
Thời gian thực hiện lượng bài tập		**20**	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời.	Nộp bài tập đầy đủ 100% số lượng được giao). Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập 70% số lượng bài tập được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	
Nội dung bài tập		**50**	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót trong tính toán.	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	
ĐIỂM TỔNG							

2.3.3. Đánh giá thuyết trình

Rubric 4.1. Đánh giá thuyết trình (cá nhân)

Tiêu chí đánh giá	CĐR	Trọng số (%)	Mô tả mức chất lượng				ĐIỂM
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			8.5 – 10	70 – 8.4	5.0 – 6.9	0.0 – 4.9	
Nội dung		10	Phong phú hơn yêu cầu	Đầy đủ theo yêu cầu	Khá đầy đủ, còn thiếu 1 nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng	
		20	Chính xác, khoa học	Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ	Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót quan trọng	Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng	
Cấu trúc và tính trực quan		10	Cấu trúc bài và slides rất hợp lý	Cấu trúc bài và slides khá hợp lý	Cấu trúc bài và slides tương đối hợp lý	Cấu trúc bài và slides chưa hợp lý	
		10	Rất trực quan và thẩm mỹ	Khá trực quan và thẩm mỹ	Tương đối trực quan và thẩm mỹ	Ít/Không trực quan và thẩm mỹ	
Kỹ năng trình bày		20	Dẫn dắt vấn đề và lập luận lôi cuốn, thuyết phục	Trình bày rõ ràng nhưng chưa lôi cuốn, lập luận khá thuyết phục	Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được các nội dung quan trọng	Trình bày không rõ ràng, người nghe không thể hiểu được các nội dung quan trọng	
Tương tác cử chỉ		10	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	Tương tác bằng mắt và cử chỉ khá tốt	Có tương tác bằng mắt, cử chỉ nhưng chưa tốt	Không tương tác bằng mắt và cử chỉ	
Quản lý thời gian		10	Làm chủ thời gian và hoàn toàn linh hoạt điều chỉnh theo tình huống	Hoàn thành đúng thời gian, thỉnh thoảng có linh hoạt điều chỉnh theo tình huống.	Hoàn thành đúng thời gian, không linh hoạt theo tình huống.	Quá giờ	
Trả lời		10	Các câu hỏi	Trả lời đúng	Trả lời đúng	Không trả lời	

câu hỏi			đặt đúng đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng	đa số câu hỏi đặt đúng và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	đa số câu hỏi đặt đúng nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	được đa số câu hỏi đặt đúng	
ĐIỂM TỔNG							

Rubric 4.2. Đánh giá thuyết trình (theo nhóm)

Tiêu chí đánh giá	**CĐR**	**Trọng số (%)**	**Mô tả mức chất lượng**				**ĐIỂM**
			Giỏi	**Khá**	**Trung bình**	**Yếu**	
			8.5 – 10	**6.5 – 8.4**	**4.0 – 6.4**	**0 – 3.9**	
Nội dung		**10**	Phong phú hơn yêu cầu	Đầy đủ theo yêu cầu	Khá đầy đủ, còn thiếu 1 nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng	
		20	Chính xác, khoa học	Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ	Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót quan trọng	Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng	
Cấu trúc và tính trực quan		**10**	Cấu trúc bài và slides rất hợp lý	Cấu trúc bài và slides khá hợp lý	Cấu trúc bài và slides tương đối hợp lý	Cấu trúc bài và slides chưa hợp lý	
		10	Rất trực quan và thẩm mỹ	Khá trực quan và thẩm mỹ	Tương đối trực quan và thẩm mỹ	Ít/Không trực quan và thẩm mỹ	
Kỹ năng trình bày		**10**	Dẫn dắt vấn đề và lập luận lôi cuốn, thuyết phục	Trình bày rõ ràng nhưng chưa lôi cuốn, lập luận khá thuyết phục	Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được các nội dung quan trọng	Trình bày không rõ ràng, người nghe không thể hiểu được các nội dung quan trọng	
Tương tác cử chỉ		**10**	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	Tương tác bằng mắt và cử chỉ khá tốt	Có tương tác bằng mắt, cử chỉ nhưng chưa tốt	Không tương tác bằng mắt và cử chỉ	

Quản lý thời gian		**10**	Làm chủ thời gian và hoàn toàn linh hoạt điều chỉnh theo tình huống	Hoàn thành đúng thời gian, thỉnh thoảng có linh hoạt điều chỉnh theo tình huống	Hoàn thành đúng thời gian, không linh hoạt theo tình huống	Quá giờ	
Trả lời câu hỏi		**10**	Các câu hỏi đặt đúng đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Không trả lời được đa số câu hỏi đặt đúng	
Sự phối hợp trong nhóm		**10**	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	
ĐIỂM TỔNG							

2.3.4. Đánh giá kiểm tra viết

Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn

2.3.5. Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm

Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn

2.3.6. Đánh giá bảo vệ đồ án và thi vấn đáp

Rubric 5: Bảo vệ đồ án và thi vấn đáp

Tiêu chí đánh giá	**CĐR**	**Trọng số (%)**	**Mô tả mức chất lượng**				**ĐIỂM**
			Giỏi	**Khá**	**Trung bình**	**Yếu**	
			8.5-10	**7.0-8.4**	**5.0-6.9**	**0.0-4.9**	
Kỹ năng trình bày		**10**	Thái độ giao tiếp, trả lời rất tự tin, giọng nói rõ ràng, lưu loát, thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe.	Thái độ trong câu trả lời tự tin, từ tốn, nhẹ nhàng, điềm đạm. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời đơn giản, dễ hiểu. Giọng	Thái độ giao tiếp, trả lời nhẹ nhàng, hòa nhã. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời lời phù	Thái độ giao tiếp, trả lời câu hỏi lễ độ. Sử dụng các thuật ngữ trong câu trả lời phức tạp,	

				nói lưu loát, rõ ràng.	hợp, dễ hiểu.	khó hiểu. Giọng nói nhỏ, thiếu tự tin.	
Nội dung chính 1		**30**	Ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu; tự tin trong câu trả lời; lập luận, giải thích cho câu hỏi hoàn toàn thuyết phục.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể hiện sự tự tin về sự hiểu biết trong câu trả lời, lập luận giải thích chưa thuyết phục.	Các câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu tự tin trong các câu trả lời.	Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên quan, không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi.	
Nội dung chính 2		**20**					
Nội dung chính 3		**20**					
Nội dung chính 4		**20**					
ĐIỂM TỔNG							

2.3.7. Đánh giá báo cáo

Rubric 6: Báo cáo

Tiêu chí đánh giá	**CĐR**	**Trọng số (%)**	**Mô tả mức chất lượng**				**ĐIỂM**
			Giỏi	**Khá**	**Trung bình**	**Yếu**	
			8.5-10	**7.0-8.4**	**5.0-6.9**	**0.0-4.9**	
Nội dung đồ án		**60**	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, tính toán chi tiết, rõ ràng, logic, trình tự tính toán hợp lý. Kết quả tính toán và chọn có sự phân tích, lý giải cụ thể, rõ ràng và thuyết phục.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, trình tự tính toán hợp lý, tính toán chính xác. Kết quả tính toán và chọn chưa có giải thích cụ thể, chưa thuyết phục.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, còn một số nhầm lẫn trong tính toán, một số nội dung chưa hợp lý.	Nội dung trình bày trong báo cáo đầy đủ theo yêu cầu. Tính toán sai, không cụ thể, không đáp ứng yêu cầu.	
		20	Nội dung phù	Nội dung phù	Nội dung,	Trình tự	

Trình bày thuyết minh			hợp. Trình tự, cấu trúc logic, rõ ràng, đáp ứng yêu cầu. Hình ảnh, bảng biểu rõ ràng, logic, ghi chú phù hợp. Thể hiện việc sử dụng thành thạo máy tính trong trình bày báo cáo.	hợp. Trình tự, cấu trúc logic, rõ ràng đáp ứng yêu cầu. Hình ảnh, bảng biểu rõ ràng, logic, ghi chú phù hợp. Thể hiện kỹ năng soạn thảo văn bản còn hạn chế.	trình tự trình bày thuyết minh phù hợp theo yêu cầu. Trình bày còn một số lỗi về chính tả, kích thước, ghi chú chưa đầy đủ.	trình bày trong thuyết minh không đúng. Nội dung phù hợp theo yêu cầu. Hình vẽ, bảng biểu còn nhiều mâu thuẫn với nội dung.	
Bản vẽ kỹ thuật và hình ảnh		**20**	Đầy đủ bản vẽ (… bản) với nội dung theo đúng quy định. Sắp xếp các phần trên bản vẽ hợp lý. Kích thước, ghi chú đầy đủ, rõ ràng. Thể hiện việc sử dụng thành thạo công cụ vẽ trên máy tính, có thể ứng dụng trong công trình xây dựng thực tế.	Đầy đủ bản vẽ (… bản) với nội dung theo đúng quy định. Sắp xếp các phần trên bản vẽ hợp lý. Kích thước, ghi chú đầy đủ, rõ ràng.	Đầy đủ bản vẽ (… bản) với nội dung theo đúng quy định. Kích thước, ghi chú trên bản vẽ đầy đủ, rõ ràng. Còn một số lỗi về trình bày (sai chính tả, nét vẽ).	Đầy đủ số lượng bản vẽ/hình ảnh (… bản) với nội dung theo đúng quy định. Kích thước, ghi chú trên bản vẽ/hình ảnh không được thể hiện hoặc thể hiện không rõ ràng, thiếu một số phần trên các bản vẽ/ hình ảnh	
ĐIỂM TỔNG							

2.3.8. Đánh giá làm việc nhóm

Rubric 7: Làm việc nhóm

Tiêu chí đánh giá	**CĐR**	**Trọng số (%)**	**Mô tả mức chất lượng**				**ĐIỂM**
			Giỏi	**Khá**	**Trung bình**	**Yếu**	
			8.5-10	**7.0-8.4**	**5.0-6.9**	**0.0-4.9**	
Tổ chức nhóm		**30**	Nhiệm vụ công việc của	Nhiệm vụ công việc rõ	Mỗi thành viên có nhiệm vụ	Trách nhiệm và nhiệm vụ	

			mỗi thành viên rõ ràng, cụ thể, phù hợp. Phát huy thế mạnh của các thành viên trong nhóm. Tương tác, phối hợp tốt giữa các thành viên.	ràng và phù hợp với khả năng của mỗi thành viên trong nhóm.	công việc riêng nhưng không rõ ràng và không phù hợp với khả năng của thành viên trong nhóm.	công việc của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể.	
Tham gia làm việc nhóm (chuyên cần)		**20**	100% (Tham gia đầy đủ các buổi họp, thảo luận của nhóm)	<90%	<70%	<50%	
Thảo luận		**20**	Luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay, hiệu quả cho các hoạt động của nhóm.	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay.	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Hiếm khi tham gia vào thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	
Phối hợp nhóm		**20**	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Luôn luôn tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thường xuyên tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thỉnh thoảng tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	Hiếm khi hợp tác, phối hợp làm việc nhóm.	
ĐIỂM TỔNG							

2.4. Một số rubrics khác

2.4.1. Rubric đánh giá tiểu luận cá nhân

Tiêu chí đánh giá	**CĐR**	**Trọng số (%)**	**Mô tả mức chất lượng**				**ĐIỂM**
			Giỏi	**Khá**	**Trung bình**	**Yếu**	
			8.5-10	7.0-8.4	**5.0-6.9**	**0.0-4.9**	
Hình thức		**10**	Không có lỗi chính tả, hình vẽ, bảng biểu,	Còn một vài lỗi chính tả,	Khá nhiều lỗi chính tả, hình vẽ,	Nhiều lỗi chính tả, hình vẽ, bảng biểu,	

			sơ đồ rõ ràng, đúng quy định	hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ khá rõ ràng, đúng quy định	bảng biểu, một vài sơ đồ chưa rõ ràng, không đúng quy định	sơ đồ không rõ ràng, không đúng quy định	
Bố cục		**10**	Đầy đủ các phần và độ dài theo quy định, logic	Các phần tương đối đầy đủ, độ dài tương đối theo quy định, khá logic	Còn thiếu khá nhiều phần, độ dài gần đúng theo quy định, chưa logic	Không theo quy định, không logic	
Tài liệu tham khảo		**10**	Phong phú, được sắp xếp đúng quy định, trích dẫn đúng thể thức	Đầy đủ, được sắp xếp đúng quy định, trích dẫn đúng thể thức	Khá ít tài liệu tham khảo, sắp xếp còn nhiều chỗ không đúng quy định, trích dẫn không đúng thể thức	Rất ít tài liệu tham khảo, sắp xếp không đúng quy định, trích dẫn không đúng thể thức	
Nội dung chính 1		**30**	Đáp ứng 80-100% theo yêu cầu	Đáp ứng 70-80% theo yêu cầu	Đáp ứng 50-70% theo yêu cầu	Đáp ứng dưới 50 % theo yêu cầu	
Nội dung chính 2		**20**					
Nội dung chính 3		**20**					
ĐIỂM							

2.4.2. Rubric đánh giá buổi thực hành cá nhân tại phòng thí nghiệm

Tiêu chí đánh giá	**CĐR**	**Trọng số (%)**	**Mô tả mức chất lượng**				**ĐIỂM**
			Giỏi	**Khá**	**Trung bình**	**Yếu**	
			8.5-10	**7.0-8.4**	**5.0-6.9**	**0.0-4.9**	
Chuyên cần		**10**	Đến đúng giờ quy định			Đến muộn trên 15 phút	
Chuẩn bị lý thuyết		**20**	Trả lời đầy đủ, đúng các câu hỏi	Trả lời đầy đủ, đúng trên 70% các câu hỏi	Trả lời đầy đủ, đúng trên 50% các câu hỏi	Trả lời không đầy đủ hoặc đúng dưới 50% các câu	

						hỏi	
Thao tác thí nghiệm và xử lý số liệu		**50**	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm và xử lý số liệu tốt	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm và xử lý số liệu khá	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm nhưng xử lý số liệu chưa đúng	Thực hiện không đúng quy trình thí nghiệm nhưng xử lý số liệu sai	
Kết quả thí nghiệm và trả lời câu hỏi		**20**	Kết quả TN đúng và trả lời đúng các câu hỏi	Kết quả TN đúng và trả lời đúng trên 70% số câu hỏi	Kết quả TN đúng và trả lời đúng trên 50% số câu hỏi	Kết quả TN sai hoặc trả lời đúng dưới 50% số câu hỏi	
ĐIỂM TỔNG							

2.4.3. Rubric đánh giá kỹ năng thực hành

Tiêu chí đánh giá	**CĐR**	**Trọng số (%)**	**Mô tả mức chất lượng**				**ĐIỂM**
			Giỏi	**Khá**	**Trung bình**	**Yếu**	
			8.5-10	**7.0-8.4**	**5.0-6.9**	**0.0-4.9**	
Yêu cầu thực hành 1…..		**25**	Làm thành thạo các thao tác, sản phẩm đáp ứng tất cả các yêu cầu, đúng thời gian	Làm đúng các thao tác, sản phẩm đáp ứng hầu hết các yêu cầu, đúng thời gian	Làm đạt yêu cầu cơ bản của các thao tác, sản phẩm cơ bản đáp ứng yêu cầu, chưa đúng thời gian	Làm chưa đạt yêu cầu cơ bản của các thao tác, sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu, chưa đúng thời gian	
Yêu cầu thực hành 2….		**25**					
Yêu cầu thực hành 3….		**25**					
Yêu cầu thực hành 4…		**25**					
ĐIỂM TỔNG							

2.4.4. Rubric đánh giá thực tập tại doanh nghiệp

Tiêu chí đánh giá	**CĐR**	**Trọng số (%)**	**Mô tả mức chất lượng**				**ĐIỂM**
			Giỏi	**Khá**	**Trung bình**	**Yếu**	
			8.5-10	**7.0-8.4**	**5.0-6.9**	**0.0-4.9**	
Chấp hành nội quy của đơn vị		**10**	Chấp hành đúng nội quy	Khá chấp hành nội quy	Ít khi chấp hành nội quy	Không chấp hành nội quy	
Thái độ		**10**	Rất tích cực	Khá tích cực	Hơi thụ động	Rất thụ động	

làm việc							
Ý thức học hỏi		**10**	Rất tích cực	Khá tích cực	Hơi thụ động	Không chịu học hỏi	
Tinh thần đồng đội		**10**	Luôn hỗ trợ đồng nghiệp	Khá tích cực hỗ trợ đồng nghiệp	Ít khi hỗ trợ đồng nghiệp	Không chịu hợp tác	
Kiến thức, kỹ năng thu nhận		**60**	Thu nhận rất tốt kiến thức và kỹ năng được yêu cầu	Thu nhận đầy đủ kiến thức và kỹ năng được yêu cầu	Thu nhận cơ bản kiến thức và kỹ năng được yêu cầu	Thu nhận kém kiến thức và kỹ năng được yêu cầu	
ĐIỂM TỔNG							

2.4.5. Rubric đánh giá báo cáo thực tập tại doanh nghiệp

Tiêu chí đánh giá	**CĐR**	**Trọng số (%)**	**Mô tả mức chất lượng**				**ĐIỂM**
			Giỏi	**Khá**	**Trung bình**	**Yếu**	
			8.5-10	**7.0-8.4**	**5.0-6.9**	**0.0-4.9**	
Hình thức báo cáo		**10**	Đẹp, rõ, không lỗi chính tả			Đơn điệu, chữ nhỏ, nhiều lỗi chính tả	
Kỹ năng trình bày		**10**	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu với người nghe			Nói nhỏ, không tự tin, không thuyết phục, không giao lưu với người nghe	
Yêu cầu nội dung 1: …		**30**	Đáp ứng 80-100% theo yêu cầu	Đáp ứng 70-80% theo yêu cầu	Đáp ứng 50-70% theo yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% theo yêu cầu	
Yêu cầu nội dung 2: …		**30**					
Trả lời câu hỏi		**20**	Trả lời đúng tất cả các câu hỏi	Trả lời đúng trên 2/3 các câu hỏi	Trả lời đúng trên 1/2 các câu hỏi	Trả lời đúng dưới 1/2 các câu hỏi	
ĐIỂM TỔNG							

2.4.6. Rubric đánh giá khóa luận/luận văn tốt nghiệp (của thành viên hội đồng)

Tiêu chí đánh giá	CĐR	Trọng số (%)	Mô tả mức chất lượng				ĐIỂM
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			8.5-10	7.0-8.4	5.0-6.9	0.0-4.9	
Hình thức báo cáo khóa luận/ luận văn		**10**	Không có lỗi chính tả, hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định	Có một vài lỗi chính tả, hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ khá rõ ràng, đúng quy định	Khá nhiều lỗi chính tả, hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ hơi rõ ràng, chưa đúng quy định	Nhiều lỗi chính tả, hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ không rõ ràng, không đúng quy định	
Chất lượng báo cáo khóa luận/ luận văn		**50**	Đáp ứng 80-100% theo yêu cầu	Đáp ứng 70-80% theo yêu cầu	Đáp ứng 50-70% theo yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% theo yêu cầu	
Chất lượng bảo vệ		**10**	Đúng trọng tâm, tự tin, đúng thời gian	Một vài chỗ chưa đúng trọng tâm, khá tự tin, đúng thời gian	Nhiều chỗ chưa đúng trọng tâm, hơi thiếu tự tin, không đúng thời gian	Không đúng trọng tâm, thiếu tự tin, không đúng thời gian	
Trả lời câu hỏi		**30**	Trả lời đúng tất cả các câu hỏi	Trả lời đúng trên 2/3 các câu hỏi	Trả lời đúng trên 1/2 các câu hỏi	Trả lời đúng dưới 1/2 các câu hỏi	
ĐIỂM TỔNG							

2.4.7. Rubric đánh giá khóa luận/luận văn tốt nghiệp (của người hướng dẫn/ủy viên phản biện)

Tiêu chí đánh giá	CĐR	Trọng số (%)	Mô tả mức chất lượng				ĐIỂM
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			8.5-10	7.0-8.4	5.0-6.9	0.0-4.9	
Hình thức		**10**	Không có lỗi chính tả, hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định	Còn một vài lỗi chính tả, hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ khá rõ ràng, đúng quy định	Khá nhiều lỗi chính tả, hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ hơi rõ ràng, không đúng quy định	Nhiều lỗi chính tả, hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ không rõ ràng, không đúng quy định	
Bố cục		**10**	Đầy đủ các	Các phần	Còn thiếu khá	Không theo	

			phần và độ dài theo quy định, logic	tương đối đầy đủ, độ dài tương đối theo quy định, khá logic	nhiều phần, độ dài gần đúng theo quy định, chưa logic	quy định, không logic	
Tài liệu tham khảo		**10**	Phong phú, được sắp xếp đúng quy định, trích dẫn đúng thể thức	Khá phong phú, được sắp xếp đúng quy định, trích dẫn đúng thể thức	Tài liệu tham khảo khá ít, sắp xếp còn nhiều chỗ chưa đúng quy định, trích dẫn nhiều chỗ sai thể thức	Rất ít tài liệu tham khảo, sắp xếp không đúng quy định, trích dẫn không đúng thể thức	
Tổng quan nghiên cứu và cơ sở lý luận		**10**	Tổng quan nghiên cứu phong phú và phù hợp, cơ sở lý luận bám sát đề tài	Tổng quan nghiên cứu khá phong phú và phù hợp, cơ sở lý luận tương đối bám sát đề tài	Tổng quan nghiên cứu nhiều chỗ còn hạn chế/ chưa phù hợp, cơ sở lý luận chưa bám sát đề tài	Tổng quan nghiên cứu rất hạn chế/ không phù hợp, cơ sở lý luận không bám sát đề tài	
Phương pháp nghiên cứu và chọn mẫu		**20**	Phương pháp nghiên cứu đa dạng và thích hợp, phương pháp chọn mẫu đúng	Phương pháp nghiên cứu tương đối đa dạng và thích hợp, phương pháp chọn mẫu đúng	Phương pháp nghiên cứu nhiều chỗ chưa thích hợp, phương pháp chọn mẫu nhiều chỗ chưa đúng	Phương pháp nghiên cứu không thích hợp, phương pháp chọn mẫu không đúng	
Thu thập và xử lý, phân tích số liệu		**20**	Phương pháp thu thập số liệu hợp lý; xử lý, phân tích số liệu đúng kỹ thuật và phù hợp	Phương pháp thu thập số liệu khá hợp lý; xử lý, phân tích số liệu đúng kỹ thuật và khá phù hợp	Phương pháp thu thập số liệu nhiều chỗ chưa hợp lý; xử lý, phân tích số liệu nhiều chỗ không đúng kỹ thuật và không phù hợp	Phương pháp thu thập số liệu không hợp lý; xử lý, phân tích số liệu không đúng kỹ thuật và không phù hợp	
Kết quả nghiên cứu và kết luận		**20**	Rút ra kết quả nghiên cứu và kết luận rất phù hợp với số liệu và mục	Rút ra kết quả nghiên cứu và kết luận khá phù hợp với số	Rút ra kết quả nghiên cứu và kết luận nhiều chỗ không phù hợp với số liệu	Rút ra kết quả nghiên cứu và kết luận không phù hợp với số liệu và mục	

			tiêu đề tài/câu hỏi nghiên cứu	liệu và mục tiêu đề tài/câu hỏi nghiên cứu	và mục tiêu đề tài/câu hỏi nghiên cứu	tiêu đề tài/câu hỏi nghiên cứu	
ĐIỂM							

2.5. Ma trận phương pháp đánh giá các học phần

MA TRẬN PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ CÁC HỌC PHẦN													
STT	**Mã Học phần**	**Tên Học phần**	**Số TC**	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá bài tập	Đánh giá thuyết trình cá nhân	Đánh giá thuyết trình nhóm	Kiểm tra viết	Kiểm tra trắc nghiệm	Bảo vệ và thi vấn đáp	Báo cáo	Đánh giá làm việc nhóm	Khác
I. Khối kiến giáo dục đại cương													
1.1.													
…	…												
1.2.													
…	…												
II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp													
2.1.													
…	…												
2.2.													
…	…												
III. ...													
…	…												

(Đánh dấu X vào 1 hoặc 1 vài ô phù hợp với học phần)

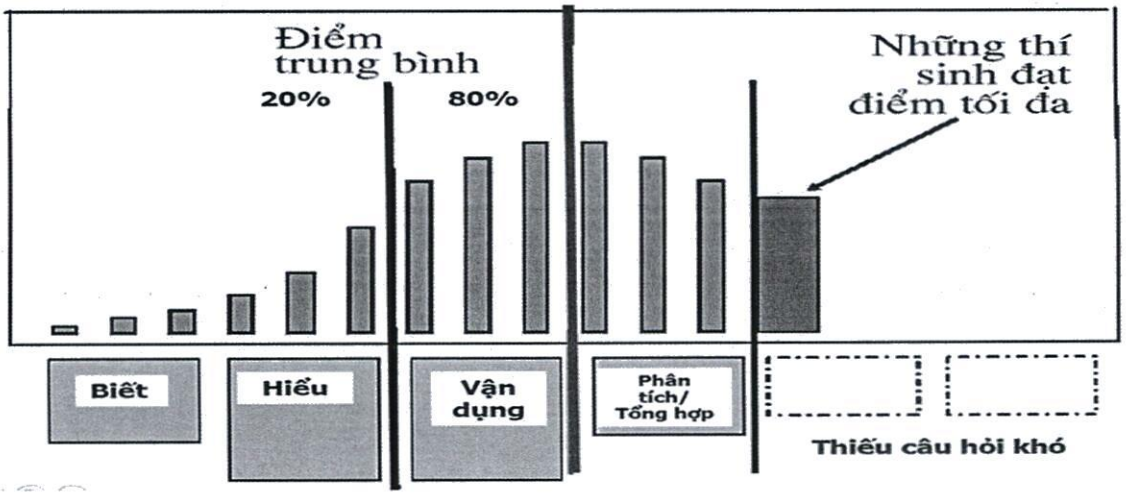
III. PHỔ ĐIỂM ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Phân tích đề thi

Do chưa thực hiện việc phân tích đề thi, không có thử nghiệm trước khi thi nên một số đề thi – kiểm tra quá dễ hoặc quá khó. Đề quá dễ dẫn đến kết quả làm bài của người học quá tốt, không phản ánh đúng thực lực của người học. Đề quá khó dẫn đến kết quả làm bài của người học quá kém, dẫn đến dễ đánh giá nhầm chất lượng giảng dạy thấp.

3.1.1. Đề thi quá dễ so với khả năng của người học

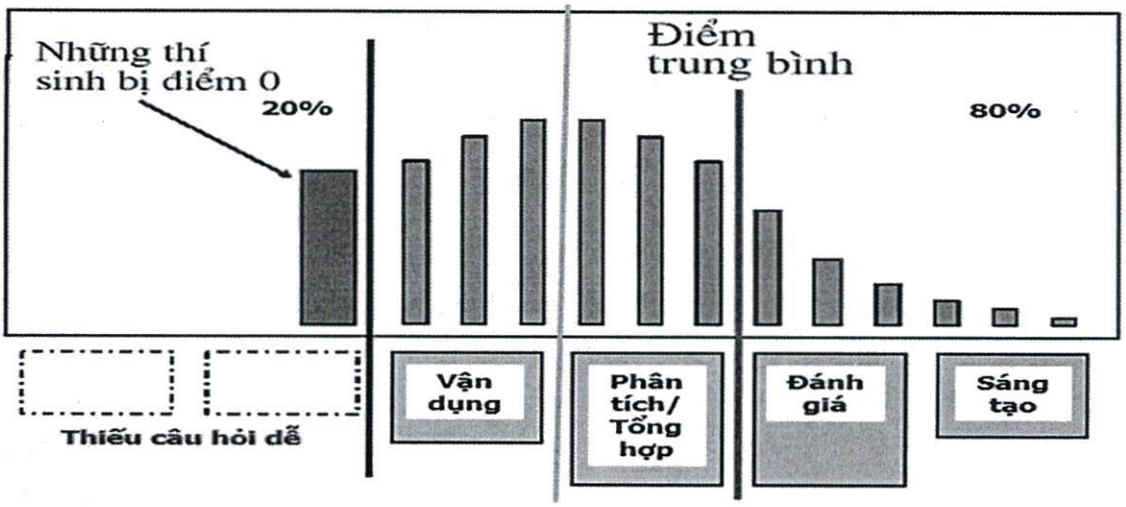
Đề thi chỉ bao gồm các câu hỏi để đánh giá 4 mức nhận thức của NGƯỜI HỌC từ nhận biết đến phân tích. yêu cầu của đề thi là người học phải vượt qua mức nhận thức hiểu trong thang bloom. Ở đây không có những câu hỏi khó và rất khó để đánh giá nhận thức của người học ở mức tổng hợp và phân tích. Hình 1 cho thấy, mặc dù có 80% người học vượt yêu cầu của đề thi nhưng chỉ có 50% người học có năng lực cao hơn mức nhận thức vận dụng



Hình 1 – Phổ điểm và thang đánh giá của đề thi quá dễ

3.1.2. Đề thi quá khó so với khả năng của người học

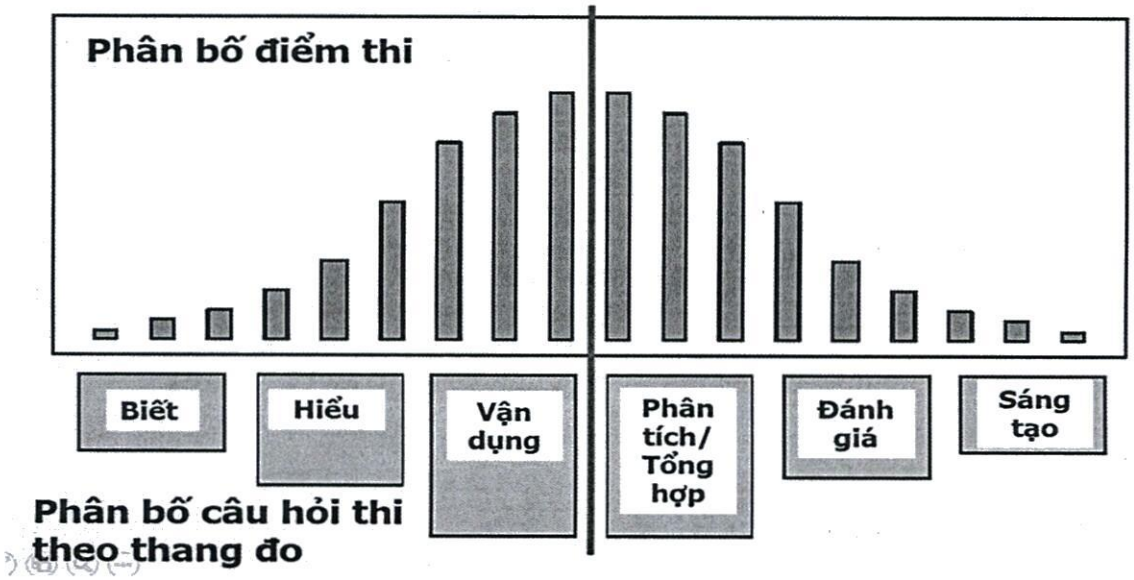
Đề thi này chỉ nhằm đánh giá các mức nhận thức vận dụng, phân tích/tổng hợp, đánh giá và sáng tạo, không có các câu hỏi để đánh giá các mức nhận thức nhận biết và hiểu. Người học phải có năng lực cao hơn mức nhận thức phân tích mới có khả năng vượt qua yêu cầu của đề thi. Hình 2 cho thấy mặc dù chỉ có 20% người học có khả năng đó, nhưng cũng cho thấy 50% người học có mức nhận thức vận dụng.



Hình 2 – Phổ điểm và thang đánh giá của đề thi quá khó

3.1.3. Đề thi "chuẩn" so với khả năng của người học

Theo lý thuyết đo lường và đánh giá trong giáo dục thì một đề thi được xem là "chuẩn" nếu phổ điểm của nó có phân bố dạng hình chuông úp đối xứng.



Hình 3 – Phổ điểm và thang đánh giá của đề thi "chuẩn"

Một đề thi "chuẩn" cần bao gồm các câu hỏi đánh giá 6 mức nhận thức của người học theo thang nhận thức của Bloom (từ mức nhận biết đến mức sáng tạo) và kết quả cho thấy năng lực của người học được phân bố theo biểu đồ có dạng hình chuông chuẩn như trong hình 3. Độ khó của đề thi nằm giữa mức vận dụng/áp dụng và mức phân tích trong thang Bloom. 50% người học đã vượt qua yêu cầu của đề thi (có năng lực cao hơn mức vận dụng/áp dụng).

Do vậy, giảng viên thiết kế và soạn các bài kiểm tra/bài thi phải đảm bảo một số nguyên tắc cơ bản sau:

1. Đo lường được chuẩn đầu ra/mục tiêu môn học;

2. Đo lường được các kiến thức, kỹ năng cốt lõi của chương trình;

3. Bao gồm các câu hỏi với dạng thức phù hợp nhất (*theo thang nhận thức của Bloom, từ mức ghi nhớ đến sáng tạo*) để đánh giá được chuẩn đầu ra;

4. Phù hợp với mục tiêu sử dụng kết quả thi;

5. Đảm bảo độ tin cậy, độ giá trị.

3.2. Phổ điểm đánh giá học phần

Phổ điểm là phương pháp thống kê nhanh và được sử dụng phổ biến hiện nay sau mỗi kỳ thi là dùng các biểu đồ phân bố kết quả điểm thi so sánh với độ khó của đề (tức là thang đo).

Sau mỗi kỳ thi, giảng viên cần phổ điểm để tiến hành rà soát, điều chỉnh đề thi phù hợp với mục tiêu đánh giá sẽ cho ra những đề thi phù hợp theo biểu mẫu dưới đây:

Mẫu phiếu báo cáo phân tích phổ điểm đánh giá học phần và bảng tổng hợp phân tích kết quả học tập của người học (MẪU SỐ 1, 2)

MẪU SỐ 1

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU BÁO CÁO PHÂN TÍCH PHỔ ĐIỂM ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Tên học phần: Mã học phần: Số tín chỉ: ...

Hệ đào tạo: Học kỳ: Năm Học:

Báo cáo phân tích Kết quả học tập của người học

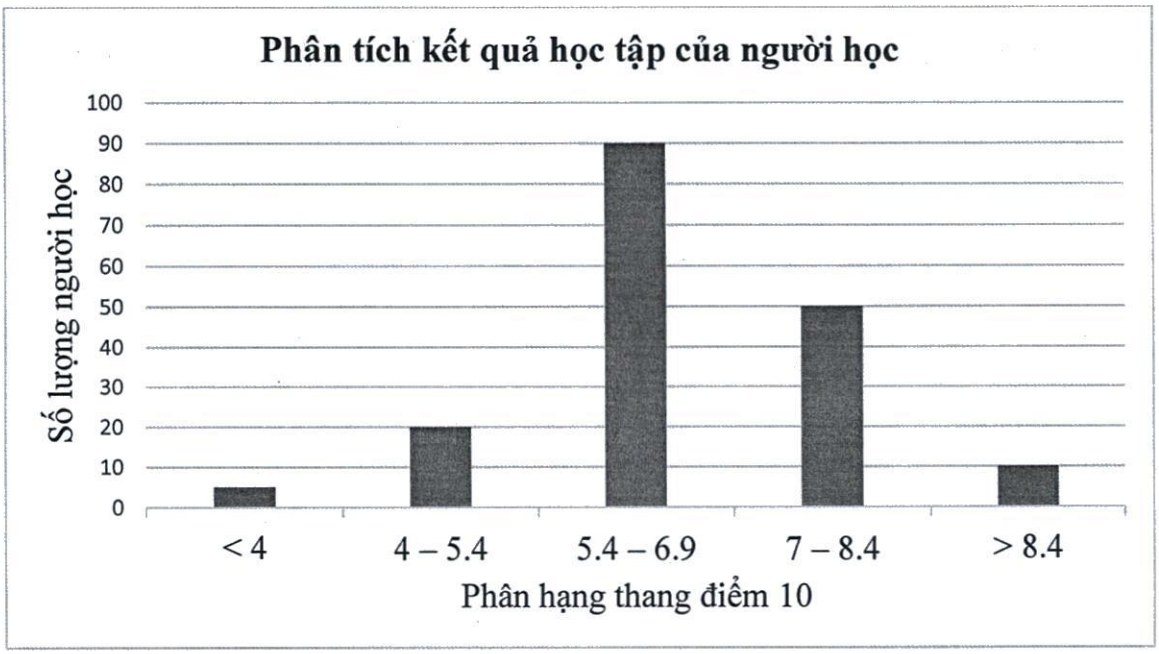
- Số người học theo danh sách lớp (a):
- Số người học theo danh sách thi (b):
- Số người học vắng không tính (a-b):

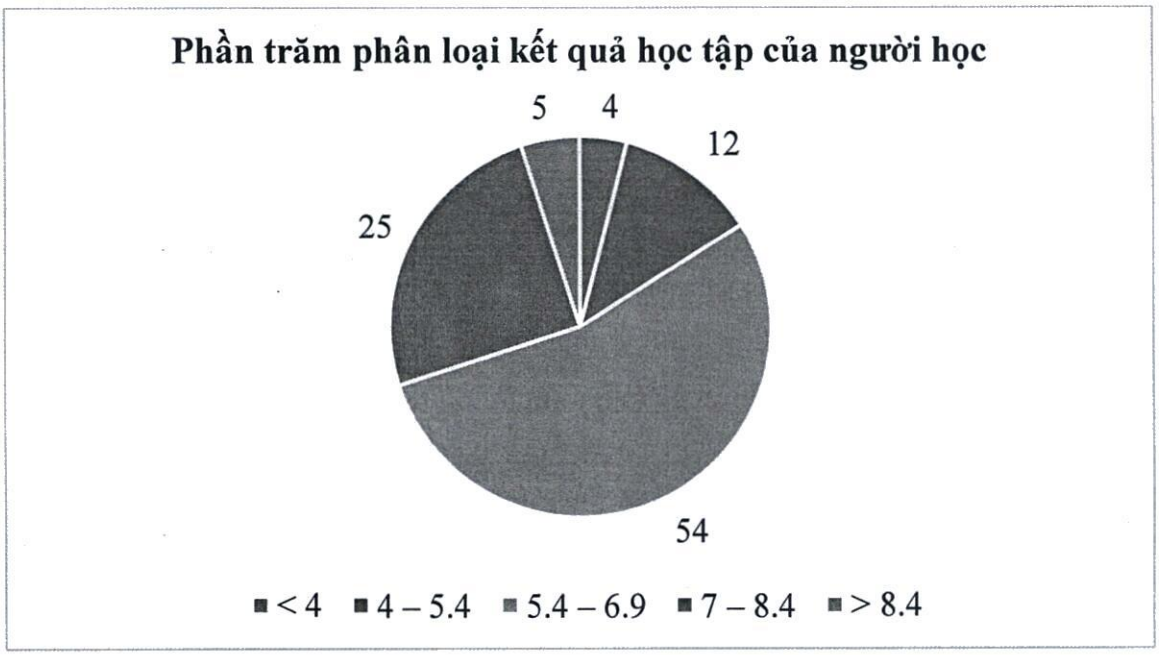
Bảng 1. Tổng hợp kết quả học tập

STT	Kết quả đánh giá	Số lượng người học không đạt yêu cầu (tỷ lệ %) (dưới điểm 4 quy đổi)	Số lượng người học đạt yêu cầu (tỷ lệ %) (từ điểm điểm 4 – điểm 5,4 quy đổi)	Số lượng người học đạt yêu cầu (tỷ lệ %) (từ điểm điểm 5,5 – điểm 6,9 quy đổi)	Số lượng người học khá (tỷ lệ %) (điểm 7 – điểm 8,4 quy đổi)	Số lượng người học giỏi (tỷ lệ %) (trên điểm 8,4 quy đổi)
	Đánh giá quá trình	…. (…)	…. (…)	…. (…)	…. (…)	…. (…)
	Đánh giá giữa kỳ	…. (…)	…. (…)	…. (…)	…. (…)	…. (…)
	Đánh giá cuối kỳ	…. (…)	…. (…)	…. (…)	…. (…)	…. (…)
	Đánh giá tổng kết	…. (…)	…. (…)	…. (…)	…. (…)	…. (…)

Bảng 2. Thống kê kết quả đánh giá cuối kỳ

Điểm thi	Số người học	Tỷ lệ (%)	Giá trị thống kê	
<4	.....	.....	Trung bình	.....
4 -5,4			Trung vị (Median)	.....
5,5-6,9	.....	.....	Mốt (Mode)	.....
7-8,4	.....	.....	Độ lệch chuẩn	.....
>8,4	.....	.....		
Tổng				





Nhận xét về kết quả thi cuối kỳ

Tổng số bài thi là … bài, trong đó có:

Số bài đạt (điểm thi ≥ 4):……., chiếm tỷ lệ …… %;

Số bài không đạt (điểm thi <4):……. …., chiếm tỷ lệ.. … %

Số người học bỏ thi:……., chiếm tỷ lệ……%

Phân tích mức độ đáp ứng của đề thi kết thúc học phần với mục tiêu đào tạo:

Về mặt kiến thức, đã đảm bảo CELO …., CELO…, của CĐR của học phần

Về mặt kỹ năng, đã đảm bảo CELO …., CELO…, của CĐR của học phần

Về mặt năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:

Đề thi không đánh giá:

Đề thi có đánh giá được các CELO…….

Phân tích đánh giá đề thi

Nội dung đề thi kết thúc học phần được phân bố…(tương đối đồng đều vào đề thi. Điểm số đánh giá ở các chương trong đề thi có cơ cấu tương đối) như sau:

Bảng 3. Phân tích đánh giá cấu trúc đề thi

Cấu trúc đề thi	Phân bố trong học phần	% tổng số điểm	Đánh giá mức độ khó của câu hỏi *	Mức độ yêu cầu nhận thức**
Câu 1	Chương 1	20	Dễ	Nhớ
Câu 2	Chương 3	30	Trung bình	Hiểu
Câu 3	Chương 4	10	Khó	
…...	…...	…...	…...	…...
…...	…...	…...	…...	…...
…...	…...	…...	…...	…...

*Ghi chú: *: Dễ/Trung bình/Khó*

***: Nhớ/Hiểu/Áp dụng/Phân tích/Đánh giá (Toán-Suy Luận)/Sáng tạo*

Nhận xét và đề xuất: Mức độ khó của đề thi được bố trí tăng dần từ thấp đến cao, giúp phân loại người học. Tuy nhiên, nội dung thuộc phần …. …...

Khi phân tích điểm cho từng lớp học phần cho môn học này trong cùng một kỳ thi, nhận thấy rằng Phân bố điểm giữa các lớp không chênh lệch nhiều.

Đề xuất đề thi nên giảm mức độ khó về phần suy luận đối với các câu hỏi thuộc chương (phần) …, đồng thời tăng cơ cấu điểm đánh giá cho các chương (phần)… nhằm đáp ứng mục tiêu đào tạo người học theo hướng ứng dụng.

Đề xuất về Phương pháp Đánh giá học phần

Bảng 4. Tổng hợp trọng số điểm đánh giá học phần

STT	**Phương pháp đánh giá**	**Phương pháp đánh giá áp dụng trong học phần (Trọng số)**	**Phương pháp đánh giá đề xuất (Trọng số)**
1	**Đánh giá quá trình**		
	Phương pháp quan sát		
	Phương pháp phỏng vấn		
	Phương pháp viết		
	...		
2	**Đánh giá giữa kỳ**		
	Phương pháp phỏng vấn		
	Phương pháp viết		
	...		
2	**Đánh giá cuối kỳ**		
	Phương pháp phỏng vấn		
	Phương pháp viết (Trắc nghiệm / tự luận)		
	...		
	Tổng cộng	**100%**	**100%**

Ghi chú: Theo đề cương chi tiết môn học đang áp dụng.

Đề xuất về Phương pháp giảng dạy

Bảng 5. Tổng hợp đề xuất phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy tổng quát	Phương pháp giảng dạy đang áp dụng cho học phần	Phương pháp giảng dạy đề xuất
PP1. Phương pháp thuyết trình:		
PP2. Phương pháp động não		
PP3. Phương pháp Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ		
PP4. Phương pháp học dựa trên vấn đề		
PP5. Phương pháp hoạt động nhóm		
PP6. Phương pháp đóng vai		
PP7. Phương pháp học dựa vào dự án		
PP8. Phương pháp mô phỏng		
PP9. PP Nghiên cứu tình huống		
PP10. PP Tham quan thực tế		
PP11. PP dạy học thông qua làm đồ án, thực hành, thực tập		

Ghi chú: Theo đề cương chi tiết môn học đang áp dụng.

Đề xuất những vấn đề khác:

Nội dung cần cải tiến trong các mục tiêu của học phần CELO:

.....

Nội dung cần cải tiến trong đề cương chi tiết học phần:

.....

Nơi nhận
- Lưu Bộ môn.
- Lưu VPK.

Trưởng Bộ môn

Ngày ... tháng ... năm ...

Giảng viên giảng dạy

MẪU SỐ 2

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP PHỔ ĐIỂM ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN
HỌC KỲ..... NĂM HỌC.....

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điểm thi										Nhận xét chung
				<4		4->5.4		5.5->6,9		7->8.4		>8.4		
				Số người học	Tỷ lệ (%)	Số người học	Tỷ lệ (%)	Số người học	Tỷ lệ (%)	Số người học	Tỷ lệ (%)	Số người học	Tỷ lệ (%)	
1														
2														
3														

Nơi nhận
- BCN Khoa;
- Lưu Bộ môn.

Người tổng hợp

Ngày ... tháng ... năm ...
Trưởng Bộ môn

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban Quản lý dự án Nâng cao chất lượng giáo dục đại học (SAHEP), *Tài liệu phục vụ hoạt động bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học (tham khảo và lưu hành nội bộ tháng 12/2022).*

Jon Wiles, Jpseph Bondi (2005), *Xây dựng chương trình học – hướng dẫn thực hành (xuất bản lần thứ 6)*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

PGS.TS Lê Văn Hảo, TS.Đinh Đồng Lưỡng, NCS. Phan Thị Yến (Tháng 3/2021), *Hướng dẫn thiết kế, sử dụng rubric và bộ rubric mẫu – Dùng cho đánh giá hoạt động học tập – Version 1.0.*

Phan Trọng Ngọ (2005), *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

R. Diamon (2003), *Thiết kế và đánh giá chương trình khóa học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.